

Đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp giữa các vùng tại Việt Nam

ThS. HỒ NHỰT QUANG

Đại học Quốc tế – Đại học Quốc gia TP.HCM

Hai mươi hai năm là một thời gian ngắn nếu so sánh với lịch sử phát triển kinh tế của một quốc gia nhưng cũng đủ để khẳng định vai trò và vị trí của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Chính vì thế, chương trình chiến lược dài hạn nhằm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ bởi vì đây không chỉ là cách thức để tranh thủ được nguồn vốn khan hiếm, giảm thất nghiệp mà quan trọng hơn, còn là công cụ cho việc đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển giao công nghệ và tăng cường thêm sức mạnh kinh tế, tại Việt Nam.

Trong một nghiên cứu của tác giả (Hồ Nhật Quang, 2000), đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) tại Việt Nam đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế tại một quốc gia thông qua các đóng góp sau đây:

- Đóng góp vào mức tăng trưởng giá trị công nghiệp của quốc gia.
- Đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu.
- Đẩy mạnh quá trình hình thành và tích lũy vốn cho phát triển.
- Chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học trong công nghệ.
- Các lợi ích khác có thể đạt được dưới tác động của ĐTNN là giảm thất nghiệp, tăng cường kỹ năng quản lý và năng lực học hỏi của đội ngũ nhân viên trong nước.

Tuy nhiên, chính sách phát triển của một quốc gia không chỉ cần quan tâm đến tăng trưởng kinh tế, việc làm, đói nghèo và những vấn đề khác mà còn phải tập trung vào những tác động về kinh tế, xã hội của sự phát triển xét trên phương diện vị trí địa lý nói chung. Kinh nghiệm phát triển của Indonesia vào thập niên 80 (Hall Hill and Anna Weiderman, 1991) đã cho thấy hai vấn đề chính của chính sách phát triển vùng. Đó là việc tồn tại lâu dài sự mất cân đối đáng kể về kinh tế xã hội

giữa các vùng với nhau. Và sự tập trung cao độ của quá trình đô thị hóa. Trong hoàn cảnh như vậy, thì liệu sự có mặt của hoạt động ĐTNN tại một quốc gia có làm trầm trọng thêm hai vấn đề vừa nêu hay không? Để trả lời cho câu hỏi này đòi hỏi phải có một nghiên cứu cụ thể trong tình hình của nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

Có thể nói rằng, nếu vốn ĐTNN là một phương tiện cho sự phát triển kinh tế của các địa phương vì sự đóng góp của nó vào giá trị tổng sản phẩm, gia tăng hợp tác và hội nhập kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, chuyển giao công nghệ, tích lũy vốn, và các mối liên kết, thì việc tập trung vốn ĐTNN vào một số trung tâm phát triển có thể làm gia tăng hơn nữa sự khác biệt giữa các khu vực ít nhất là về kinh tế. Hay nói cách khác, điều này có thể dẫn đến việc gia tăng sự mất cân đối trong tăng trưởng giữa các vùng miền. Tuy nhiên, mức độ về sự tác động của vốn ĐTNN là chưa rõ ràng bởi vì vẫn cần phải xem xét đến những nhân tố khác như những yếu tố về địa lý, lịch sử và con người.





Trên thực tế, từ những kinh nghiệm phát triển của những nước khác cho thấy, việc phát tán tăng trưởng theo kiểu đàn sếu bay (Kojima, 1991) đã không diễn ra một cách tự nhiên mà kết quả là những khu vực tăng trưởng nhanh sẽ ngày càng trở nên thu hút và hấp dẫn trong khi những khu vực bị tụt hậu trở nên đình trệ hơn (Peter Dicken, 1992). Khi đó, sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng sẽ xuất hiện và đó là sự thất bại trong chính sách vùng của các nước.

Kiểm chứng từ thực tế đã cho thấy, ở những quốc gia đang phát triển, việc nhận được nguồn vốn ĐTNN càng lớn thì sự mất cân đối giữa các địa phương là rất phổ biến. Tại Thượng Hải (Trung Quốc) nơi thu hút được một lượng vốn ĐTNN lớn, có năng suất lao động cao gấp gần 11 lần so với các khu vực nông thôn như Quảng Châu vào năm 1998 (Jianuy Ouyang, 1997). Một khía cạnh tiêu cực khác trong tác động của đầu tư nước ngoài đối với quốc gia nhận đầu tư là sự phụ thuộc vào nước ngoài khi ra các quyết định kinh tế chính trị của một địa phương. Alschuler (1988) trong nghiên cứu của mình về tác động của ĐTNN (Multinational and Maldevelopment, 1988) đã cho thấy, khi ĐTNN chiếm một tỷ trọng cao trong nền kinh tế của một địa phương thì khả năng gây ảnh hưởng của các nhà đầu tư nước ngoài đối với các quyết định về chính sách của địa phương đã xảy ra. Trong tình huống này, theo nhận định của

Alschler, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế của họ hơn là các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Nghiên cứu về tác động tiêu cực của ĐTNN lên phát triển kinh tế tại Việt Nam được đề nghị theo hướng:

- Làm tăng sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp giữa các vùng ở Việt Nam
- Khả năng của một nền kinh tế bị lệ thuộc vào nước ngoài đang tăng dần.
- Một số các dự án ĐTNN gây ô nhiễm môi trường trầm trọng (như các trường hợp của Vedan Việt Nam, công ty Miwon – Hàn Quốc)

Bài viết này tập trung vào nghiên cứu tác động của ĐTNN lên sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp giữa các vùng ở Việt Nam.

ĐTNN và sự mất cân đối trong tăng trưởng kinh tế giữa các vùng

Trong quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, việc đạt đến mục tiêu cân đối và phát triển đồng đều giữa các địa phương trong nước là khó có thể thực hiện được do các hạn chế về vốn đầu tư và cơ sở hạ tầng. Trên thực tế, phần lớn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng và những hoạt động phát triển khác cũng như nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài chỉ tập trung vào hai vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc và phía Nam (bảng 1). Do đó, tăng trưởng kinh tế ở các khu vực khác sẽ phụ thuộc rất nhiều và sự chuyển giao mang tính chất phát tán từ hai vùng này theo lý thuyết đàn sếu bay (Kojima, 1991) (bảng 1).

Sự tập trung của ĐTNN vào hai trung tâm lớn của Việt Nam là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội (bảng 2) quả thực đã làm cho sự chênh lệch phát triển giữa các vùng trở nên nghiêm trọng hơn. Sự chênh lệch giữa các địa phương xuất hiện ở nhiều phương diện như: mức lương, GDP, tiền thuê mặt bằng. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu ở đây, chúng ta sẽ xem xét những tác động của ĐTNN lên sự chênh lệch trong tăng trưởng công nghiệp giữa các địa phương như một nhân tố giải thích vai trò của ĐTNN đối với sự phát triển cân bằng tăng trưởng về công nghiệp giữa các địa phương trong nước.

Để phân tích tác động của ĐTNN đối với sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp giữa các vùng tại Việt Nam, chúng ta sử dụng công thức tính chỉ số mất cân đối của Williamson (1990) như sau:

$$W = \frac{\sqrt{[\sum(Y_i - \bar{Y})^2 * P_i / P]}}{\bar{Y}}$$

Bảng 1: Cơ cấu của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở phía Bắc và phía Nam Việt Nam

Thời kỳ	Giá trị tuyệt đối		Tỉ lệ phần trăm			
	Số lượng dự án	Tổng vốn (triệu USD)	Phía Bắc		Phía Nam	
			Dự án (%)	Vốn (%)	Dự án (%)	Vốn (%)
đến 12/ 2005	7279	66244,4	25,10	29,00	67,54	61,61
đến 12/ 2006	8266	78248,2	26,20	29,14	66,69	60,90
đến 12/ 2007	9810	99596,2	27,60	30,00	65,39	58,32
đến 12/2008	10981	163607,2	28,37	21,67	64,01	50,69

Nguồn: Niên giám Thống kê 2005, 2006, 2007, 2008

Bảng 2: Năm tỉnh, thành phố có giá trị ĐTNN cao nhất tại Việt Nam (tính đến 16/09/2009)

STT	Tỉnh, thành phố	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
1	Thành phố Hồ Chí Minh	3017	26942,28
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	205	23333,66
3	Hà Nội	1416	18989,12
4	Đồng Nai	1013	14020,15
5	Bình Dương	1886	11239,29

Nguồn: Vietnam Investment Review, No926/2009

Bảng 3: Chỉ số mất cân đối đẳng trong tăng trưởng công nghiệp ở VN

	2003	2004	2005	2006	2007
Không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,31	1,33	1,36	1,37	1,39
Bao gồm các doanh nghiệp có vốn nước ngoài	1,67	1,69	1,68	1,74	1,81

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê 2006, 2007, 2008

W: chỉ số bất bình đẳng trong tăng trưởng công nghiệp

Yi: giá trị sản lượng công nghiệp trong một tỉnh chia cho dân số của tỉnh đó

Y: giá trị sản lượng công nghiệp bình quân tính trên đầu người tại Việt Nam.

P: dân số cả nước

Pi: dân số của 1 tỉnh, với n= 64 tỉnh thành của cả nước Việt Nam.

Chỉ số này càng lớn cho thấy tính mất cân đối càng cao.

Kết quả được thể hiện ở bảng 3 như sau:

Có thể nhận thấy rằng, sự mất cân đối trong tăng trưởng công nghiệp giữa các địa phương trong trường hợp có tính đến yếu tố vốn ĐTNN cao hơn trong trường hợp không có khu vực này. Nếu chúng ta bỏ qua những tác động khác của ĐTNN lên khu vực trong nước thì sự tập trung ĐTNN vào một vài vùng có mức tăng trưởng nhanh gần như làm tăng thêm sự mất cân đối trong tăng trưởng về phát triển kinh tế giữa các vùng ở Việt Nam.

Ngoài ra, nếu tính đến vai trò tích cực của ĐTNN đối với nhận đầu tư như đã đề cập thì với công nghệ mới, trình độ quản lý và kinh nghiệm sản xuất hiện đại và tiên tiến hơn mà ĐTNN mang lại cho những khu vực nhận nhiều vốn ĐTNN đã khiến cho

sự chênh lệch về phát triển kỹ thuật, năng suất cũng như chất lượng lao động và thu nhập giữa các vùng ngày càng tăng

Trong dài hạn, những ảnh hưởng tiêu cực sẽ xuất hiện khi hiện tượng tập trung hóa ở Việt Nam đạt đến ngưỡng kim hãm phát triển toàn bộ nền kinh tế với các hiện tượng như: giá hàng hóa tăng vọt, giá lương cao, sự bất bình của người lao động, giá đất và mặt bằng cao.... Điều này có thể nhận biết được khi giá đất, giá thuê mặt bằng, chi phí sinh hoạt tại hai thành phố lớn Hà Nội và



Tp.HCM đang tăng dần. Tất cả những yếu tố này là nguyên nhân chính làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm Việt Nam và ảnh hưởng không tốt đối với nền kinh tế. Để làm giảm sự tập trung hóa của đầu tư vào các khu đô thị lớn, việc xây dựng các cơ sở hạ tầng khác nhau tại các vùng xa trung tâm là điều nên làm.

Phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản ở đây bao gồm hệ thống giao thông vận tải, năng lượng quốc gia, nguồn nước, xử lý chất thải và hệ thống thông tin liên lạc tại các địa phương.

Điều nên được chú ý ở đây là mặc dù cơ sở vật chất hạ tầng sẵn có được xem là một trong những nhân tố quyết định sự chọn lựa vùng của đầu tư nước ngoài, thì chi phí đầu tư to lớn của nó tại một vùng là một khó khăn cản trở. Tuy nhiên, chính quyền ở cấp trung ương nên xem xét ưu tiên đối với phát triển kinh tế cân bằng vùng trong tương lai, và việc cấp quỹ để xây dựng cơ sở hạ tầng tại các vùng chọn lựa khác nhau nên phản ánh mục tiêu này. Việc đầu tư ồ ạt vào cơ sở hạ tầng tại tất cả các vùng trong nước có thể dẫn đến đầu tư sai lầm và những khả năng không sử dụng hết, làm giảm hiệu quả nền kinh tế tổng thể.

Trong tình huống này, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội ở những vùng ít phát triển nên được thực hiện dần và xem xét cẩn trọng ở khía cạnh nhu cầu. Vào thời điểm này, vài tỉnh ngoài các vùng trọng điểm phát triển có thể nằm trong danh sách ưu tiên nhận giúp đỡ phát triển từ chính phủ

trung ương để cải thiện cơ sở hạ tầng. Sau đó, lần lượt các tỉnh khác cũng như vậy.

Việc xây dựng mạng lưới vận tải quốc gia, đặc biệt là xa lộ, đường huyết mạch và hải cảng nên kết nối tất cả các vùng với nhau ở Việt Nam dưới cả hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp, mang đến thuận lợi cho xuất khẩu. Điều này rất cần thiết và cấp bách để tạo ra hệ thống phân phối sản phẩm xuyên suốt trong vùng. Hiện nay, hệ thống giao thông vận tải kém phát triển ở các tỉnh là một trong những nguyên nhân chính làm giảm khả năng thu hút đầu tư vào các vùng này.

Một yếu tố hết sức quan trọng trong thu hút ĐTNN vào các vùng khác nhau của Việt Nam là nỗ lực tiếp thị của các địa phương hướng về các nhà đầu tư nước ngoài. Tiến hành có hiệu quả các hoạt động quảng cáo, quan hệ công chúng, các chiến lược ưu đãi của địa phương cũng góp phần làm giảm chênh lệch trong phát triển giữa các vùng.

Tuy nhiên, để thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, việc mở các khu quy hoạch, các khu công nghiệp cỡ nhỏ ở những vùng xa trung tâm là điều nên làm. Mặt khác, việc xây dựng các khu quy hoạch để thu hút những dự án đầu tư vừa và nhỏ cần xem xét tránh những hậu quả thiệt hại đến ngành nông nghiệp nội địa và môi trường■

Tài liệu tham khảo

- ¹ Alschuler (1996), *Multinational and Maldevelopment*, St.Martin, Newyork
- ² Hall Hill (1990), *Regional Development in Indonesia since 1970: Unity and Diversity*, Oxford University Press, Singapore, Newyork.
- ³ Ho Nhut Quang (2000), *Impacts of Inward Foreign Direct Investment on Regional Industrial Growth and Regional Policy of the Host Country, The Case of Southern Economic Focal Zone – Vietnam*, Master Thesis.
- ⁴ J.G.M Hillhorst (1990), *Regional Study and Rural Development*, Avebury, Atheneum, Press Ltd. Newcastle upon Tyne
- ⁵ Jianyu Ouyang (1997), *Foreign Direct Investment in China and its Impact on Manufacturing Growth*
- ⁶ Jansen. K (1995), *The Macroeconomic Effects of Foreign Direct Investment: The case of Thailand*, World Development, Vol.23, No 2, Great Britain.
- ⁷ Kojima Kyoshi (1991), *Japanese and American Direct Investment in Asia: A Comparative Analysis*, Indus Publishing, New Delhi.
- ⁸ Peter Dicken (1992), *Global Shift: The Intrenationalization of Economic Activity*, University of Manchester, Paul Chapman Publishing, London.
- ⁹ Niên giám thống kê 2006, 2007, 2008 và Internet